

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2020

V/v ly hôn giữa bà H và ông H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Nam.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hùng.

2. Ông Trần Đình Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2020/TLST - HNGĐ ngày 18-5-2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-7-2020; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H - sinh năm 1969.

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Thôn P, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn H – sinh năm 1965.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa: Bà H vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; ông H vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17-5-2020, bản tự khai ngày 19-5-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V vào ngày 27-02-1992. Sau ngày kết hôn cuộc sống chung của ông bà chỉ hòa thuận trong thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình xuất phát từ việc ông H thường xuyên uống rượu, say xỉn chửi bới, sỉ nhục bà và các con, xúc phạm danh

dự của bà. Ngoài ra ông H còn chơi lô đề, cờ bạc thua lỗ trút giận lên vợ con. Cuộc sống của bà cứ diễn ra đau khổ, buồn bã trong mấy chục năm làm vợ ông H vì bà nghĩ đến các con còn nhỏ dại nên cố chịu đựng sống cùng ông H. Bà và người thân rất nhiều lần đã khuyên ngăn, ông H sửa đổi tật xấu, ông H đã hứa thay đổi nhưng sau đó vẫn chứng nào tật đấy, vẫn đánh bạc, chơi bời, chửi bới xúc phạm vợ con. Đến tháng 02-2019 bà không thể chịu đựng được ông H nữa nên đã chuyển ra ngoài ở riêng và ông bà sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, gia đình không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là cháu Phạm Thị T, sinh ngày 25-02-1994 và Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 07-6-1996. Hiện nay các con ông bà đã trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Bà H không kê khai, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Văn H: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án không tiến hành làm việc với ông H và hòa giải được.

Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 17-7-2020, Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp: Hiện nay ông Phạm Văn H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và đi về Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định. Địa phương không nắm bắt được nguyên nhân mâu thuẫn gia đình của bà H và ông H, hiện nay bà H và ông H không chung sống với nhau nữa, bà H đã chuyển ra ngoài sinh sống tại thôn P, xã C, huyện V.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 17-7-2020, chị Phạm Thị T là con gái của ông H, bà H trình bày như sau: Hiện nay ông H đi làm nên không đến Tòa án làm việc, các văn bản tố tụng tòa án gửi về cho ông H, chị T nhận thay và giao cho ông H; ông H có quan điểm ông sẽ không đến Tòa án làm việc, còn việc ly hôn thì để tùy bà H liên hệ với Tòa án để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Phạm Văn H.

+ Về con chung: Các con chung của bà H và ông H là các cháu Phạm Thị T, sinh ngày 25-02-1994 và Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 07-6-1996 đã thành niên nên đương sự không đề nghị giải quyết vì vậy đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Phạm Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Thôn B, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà H vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Phạm Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Phạm Văn H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 27-02-1992. Như vậy hôn nhân của bà H và ông H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn: theo bà H là do ông H không tu chí làm ăn, hay uống rượu mắng chửi vợ con dẫn đến hạnh phúc gia đình mất dần. Vợ, chồng đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 02-2019 đến nay. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống bà H và ông H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng như: không thương yêu, tôn trọng nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, việc này trái với quy định tại Điều 19, 21 Luật hôn nhân gia đình. Xác định tình trạng hôn nhân gia đình của bà H và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng

xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, xử cho bà H được ly hôn với ông H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Phạm Văn H có 02 con chung là các cháu Phạm Thị T, sinh ngày 25-02-1994 và Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 07-6-1996. Hiện nay cháu T và cháu L đã thành niên, có khả năng lao động tự lập được, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác liên quan: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; bà Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Xử lý hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Phạm Văn H.

2. Con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Phạm Văn H có hai con chung là chị Phạm Thị T, sinh ngày 25-02-1994 và chị Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 07-6-1996 đều đã trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được nên bà H không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Bà H đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001957 ngày 18-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ (Bà H đã nộp xong).

Bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Phạm Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã C;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu HS,VP.

Phạm Trường Nam

